TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2025/QĐST-VDS	*Hoằng Hóa, ngày 12 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VỆC DÂN SỰ
Về việc: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Cao Thị Nga.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự thụ lý số 18/2025/TLST-VDS ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc*"Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi"* theo Quyết định mở phiên họp số 08/2025/QĐST-VDS ngày 05 ngày 02 tháng 2025; Gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1955 và bà Lê Thị X, sinh năm 1958. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Phương T1, sinh năm 1994. Có mặt.
2. Bà Trương Thị L, sinh năm 1967. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

** Theo đơn yêu cầu ngày 22/01/2025, bản tự khai ngày 03/02/2025 người yêu cầu ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X trình bày:*

Ngày 06/01/2009 vợ chồng tôi là Lê Ngọc T và Lê Thị X có làm thủ tục nhận nuôi con nuôi là cháu Lê Phương T1, sinh ngày 21/02/1994 là con đẻ của ông Lê Văn H (chết ngày 26/10/2009) và bà Trương Thị L, theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 02/2009/QĐ-UBND ngày 06/01/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Lý do khi đó vợ chồng chúng tôi nhận cháu T1 làm con nuôi là do hoàn cảnh của bố mẹ cháu khó khăn không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng được cháu. Nay cháu đã trưởng thành và có việc làm ổn định, cháu mong muốn được quay trở về với mẹ đẻ nên chúng tôi làm đơn yêu cầu

Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng tôi với cháu Lê Phương T1.

Về tài sản: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì tài sản của vợ chồng tôi không liên quan gì đến cháu T1.

** Bản tự khai ngày 03/02/2025 của chị Lê Phương T1 trình bày:*

Năm 2009 chị được ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X nhận làm con nuôi, theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 02/2009/QĐ-UBND ngày 06/01/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H. Nay chị đã trưởng thành nên mong muốn được quay trở về với bố mẹ đẻ, do đó chị thống nhất yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bố mẹ nuôi là ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X với chị.

Về tài sản: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bản tự khai ngày 03/02/2025 của bà Trương Thị L trình bày:*

Vợ chồng bà sinh được ba người con là Lê Thị T2, sinh ngày 16/6/1990; Lê Thị T3, sinh ngày 21/02/1994 và Lê Phương T1, sinh ngày 21/02/1994. Do hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện nuôi được các con nên vợ chồng bà đã cho cháu Lê Phương T1 làm con nuôi ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 02/2009/QĐ-UBND ngày 06/01/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H. Nay con tôi là Lê Phương T1 đã trưởng thành cháu mong muốn được quay trở về với tôi nên tôi cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X với cháu Lê Phương T1.

**Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên họp:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký phiên họp trong quá trình giải quyết việc "*Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi"* kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm l khoản 2 Điều 39; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 10; khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 26; Điều 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về nức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X. Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha mẹ nuôi là ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X và con nuôi chị Lê Phương T1, sinhn gày 21/02/1994. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ với con nuôi chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ đối với con đẻ chị Lê Phương T1 được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt. Ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X là người cao tuổi nên được miễn tiền lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đơn yêu cầu của ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X về việc yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng ông bà đối với chị Lê Phương T1; đây là yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa theo quy định tại khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Luật Nuôi con nuôi.

[2] *Về nội dung yêu cầu:* Theo các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự thì chị Lê Phương T1, sinh ngày 21/02/1994 là con đẻ của ông Lê Văn H (chết ngày 26/10/2009) và bà Trương Thị L. Ngày 06/01/2009 ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X nhận làm con nuôi theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 02/2009/QĐ-UBND ngày 06/01/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H. Như vậy, quan hệ giữa ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X và chị Lê Phương T1 là quan hệ cha mẹ nuôi, con nuôi hợp pháp.

Qúa trình chị Lê Phương T1 làm con nuôi của ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X không xảy ra mâu thuẫn gì, các bên thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nuôi đối với con nuôi và con nuôi đối với cha mẹ nuôi đầy đủ. Đến nay chị Lê Phương T1 đã trưởng thành, muốn quay về với cha mẹ đẻ của mình, cha mẹ nuôi là ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X đồng ý để chị Lê Phương T1 quay về với cha mẹ đẻ là ông Lê Văn H (đã chết) và bà Trương Thị L, các bên đương sự đều đồng ý chấm dứt việc nuôi con nuôi, nhận thấy yêu cầu trên của các đương sự không trái với quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi, Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Tòa án có cơ sở để xem xét. Từ đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X đối với chị Lê Phương T1, khi nhận làm con nuôi, chị T1 đã được làm giấy khai sinh lấy tên cha mẹ nuôi, nay chấm dứt việc nuôi con nuôi, chị T1 có quyền lấy lại tên cha mẹ đẻ của mình như trước khi được làm con nuôi. Tại phiên họp, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X là người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự. Chị Lê Phương T1, bà Trương Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất với yêu cầu của ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X .

[3] Trong thời gian chị Lê Phương T1 làm con nuôi ở cùng với ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X, chị T1 không có tài sản chung, không có tài sản riêng và cũng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X nên ông T, bà X, chị T1 đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/20326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội

quy định về nức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm l khoản 2 Điều 39; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 10; khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 26; Điều 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về nức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị X.

2.Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha mẹ nuôi ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X và con nuôi chị Lê Phương T1, sinhn gày 21/02/1994.

3. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi là ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X với con nuôi là chị Lê Phương T1 chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

4. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ là ông Lê Văn H và bà Trương Thị L đối với chị Lê Phương T1 được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

5. Về lệ phí: Ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị X được miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát huyện H có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- UBND thị trấn B:
- Người yêu cầu;
- Nnguời quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Cao Thị Nga